

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12/6/2020.

*“V/v Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con giữa chị H và anh Đ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Mên

Ông Lê Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2019/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐST-HN, ngày 24/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/QĐST - HNGĐ, ngày 12/5/2020 và thông báo dời phiên tòa xét xử số: 10/2020/TB-TA, ngày 26/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp A, xã VK, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Doãn Minh Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp V, xã VK, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

Con chung của chị H và anh Đ tên:

- Doãn Thị NL, sinh ngày 27/6/2002. Có mặt

- và Doãn Ngọc TL, sinh ngày 09/7/2008. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Doãn Minh Đ qua thời gian quen biết và tìm hiểu đến năm 2002 xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã VK, huyện CN, tỉnh Trà Vinh, thời gian chung sống chị và anh Đ có 02 con chung tên Doãn Thị NL, sinh ngày 27/6/2002 và Doãn Ngọc TL, sinh ngày 09/7/2008 hiện đang sống với chị, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng và trong cuộc sống thường xuyên cãi nhau anh Đ không lo cho vợ con chị có cho anh Đ nhiều lần để sửa đổi nhưng anh Đ không khắc phục được, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Doãn Minh Đ.

- **Về con chung tên:** Doãn Thị NL, sinh ngày 27/6/2002 và Doãn Ngọc TL, sinh ngày 09/7/2008 chị H yêu cầu được nuôi.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị H không tranh chấp, không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Chị H không tranh chấp, không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về số nợ phải thu, phải trả:** Chị H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Doãn Minh Đ vắng mặt lần thứ hai nên không có lời trình bày.

Tại các bản khai, tại phiên tòa cháu Doãn Thị NL, sinh ngày 27/6/2002 ý kiến: Trường hợp cha con Doãn Minh Đ và mẹ con Nguyễn Thị H ly hôn với nhau con có nguyện vọng được sống chung với mẹ H.

Tại các bản khai, tại phiên tòa cháu Doãn Ngọc TL, sinh ngày 09/7/2008 ý kiến: Trường hợp cha con Doãn Minh Đ và mẹ con Nguyễn Thị H ly hôn với nhau con có nguyện vọng được sống chung với mẹ H.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Đ, về con chung giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con Doãn Thị NL, sinh ngày 27/6/2002 và Doãn Ngọc TL, sinh ngày 09/7/2008 chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ngoài ra về tài sản chung do chị H không khởi kiện nên không xem xét giải quyết, về số nợ phải thu, phải trả không yêu cầu nên không xem xét, án phí chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Doãn Minh Đ đang sinh sống và làm việc trên địa bàn huyện CN, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CN theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh Doãn Minh Đ và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Doãn Minh Đ xác lập quan hệ hôn nhân năm 2002 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị H và anh Đ là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị H và anh Đ tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị H và anh Đ đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, thời gian ly thân anh chị cũng không quan tâm đến cuộc sống gia đình làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tòa án đã hòa giải 02 lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ không đến và không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, từ chối cung cấp lời khai và tại phiên tòa hôm nay anh Đ vắng mặt lần thứ hai, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ tình cảm vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin được ly hôn với anh Đ là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H và anh Đ được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Xét thấy cháu Doãn Thị NL, sinh ngày 27/6/2002 và Doãn Ngọc T L, sinh ngày 09/7/2008 là con của chị H và anh Đ, trong thời gian vợ chồng ly thân, cháu NL và cháu TL sống với chị H, được chị H nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt và theo nguyện vọng của cháu NL và cháu TL được sống với chị H. Tại phiên tòa chị H xin được quyền nuôi dưỡng con chung, để cháu NL và cháu TL có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Doãn Thị NL, sinh ngày 27/6/2002 và Doãn Ngọc TL, sinh ngày 09/7/2008 cho

chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị H không tranh chấp, không khởi kiện không đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Doãn Minh Đ được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Doãn Thị NL, sinh ngày 27/6/2002 và Doãn Ngọc TL, sinh ngày 09/7/2008.

Anh Doãn Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị H không tranh chấp, không khởi kiện không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị H không khởi kiện, không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị H không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0005643 ngày 31/12/2019 do chị H nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu, chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã VK,
- huyện C N, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tranh